BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Phạm Thị Quỳnh Anh - (01025)

Ngày thi: 25/4/20 **Giờ thi:** 15h00 **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: Phạm Thị Quỳnh Anh Ký tên: ____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910040017	Lê Thiện	**Ân**	16/04/2001		5.0	Năm chẵn	C21CK	
2	1910030011	Thái Gia	**Bảo**	01/06/2001		9.0	Chín chẵn	C21DDT	
3	1910040024	Trương Chí	**Cảnh**	08/05/2001		8.0	Tám chẵn	C21CK	
4	1910040003	Lê Xuân	**Diễn**	30/10/2001		6.0	Sáu chẵn	C21CK	
5	1910040007	Trương Nhật	**Duy**	14/01/2000		8.0	Tám chẵn	C21CK	
6	1910040031	Võ Hoàng Thành	**Đạt**	29/4/2001		7.0	Bảy chẵn	C21CK	
7	1910030002	Trương Trọng	**Đông**	27/08/1995		8.5	Tám rưỡi	C21DDT	
8	1810100011	Đỗ Minh	**Hiếu**	19/01/1997		8.5	Tám rưỡi	C20QT1	
9	1910040006	Đoàn Thanh	**Hòa**	08/12/2001		7.0	Bảy chẵn	C21CK	
10	1910030006	Võ Trương Quốc	**Huy**	12/10/2001		9.0	Chín chẵn	C21DDT	
11	1910030003	Mai Vĩnh	**Khang**	10/06/2001		9.0	Chín chẵn	C21DDT	
12	1910040025	Huỳnh Đức	**Khải**	25/07/2001		8.0	Tám chẵn	C21CK	
13	1910040002	Trần Đức	**Khôi**	03/04/2001		7.5	Bảy rưỡi	C21CK	
14	1910040001	Nguyễn Thành	**Lâm**	05/02/2001		7.0	Bảy chẵn	C21CK	
15	1910030008	Võ Hữu	**Lợi**	06/03/2001		9.0	Chín chẵn	C21DDT	
16	1910040019	Võ Hoàng	**Mãi**	10/05/2001		8.0	Tám chẵn	C21CK	
17	1910030004	Nguyễn Văn	**Nghĩa**	07/05/2001		8.5	Tám rưỡi	C21DDT	
18	1910040022	Danh Lâm Bảo	**Ngọc**	01/01/2001		6.5	Sáu rưỡi	C21CK	
19	1910040004	Trần Vũ	**Nguyên**	15/08/2001		5,5	Năm rưỡi	C21CK	
20	1910030012	Huỳnh Quốc	**Nhân**	14/01/2001		8,5	Tám rưỡi	C21DDT	
21	1910030005	Nguyễn Hữu	**Nhân**	09/09/2001		8,5	Tám rưỡi	C21DDT	
22	1910040005	Nguyễn Quốc	**Qui**	21/12/2001		9,0	Chín chẵn	C21CK	
23	1910040013	Phạm Ngọc	**Tài**	28/12/2001		7,0	Bảy chẵn	C21CK	
24	1910040020	Bùi Thanh	**Tâm**	18/06/2001		6,0	Sáu chẵn	C21CK	
25	1910040030	Trương Tuấn	**Thành**	24/07/2001		7,5	Bảy rưỡi	C21CK	
26	1910040011	Nguyễn Văn	**Thắng**	23/04/2001		6,0	Sáu chẵn	C21CK	
27	1910040027	Nguyễn Nguyên	**Thi**	03/12/2001		9,0	Chín chẵn	C21CK	
28	1910030009	Trương Nhật	**Thư**	15/11/2000		7,5	Bảy rưỡi	C21DDT	
29	1910030010	Trương Việt	**Thư**	15/11/2000		7,5	Bảy rưỡi	C21DDT	
30	1910040028	Bùi Trung	**Tính**	29/10/2001		/	/	C21CK	
31	1910040012	Đặng Ngọc Anh	**Trung**	26/07/2001		6,0	Sáu chẵn	C21CK	
32	1910040016	Trần Quốc	**Trung**	29/09/2001		9,0	Chín chẵn	C21CK	
33	1910040021	Nguyễn Minh	**Trường**	24/05/2001		6,0	Sáu chẵn	C21CK	
34	1910040010	Trương Thanh	**Tuấn**	05/12/2001		9,0	Chín chẵn	C21CK	

Ngày in: 09:00 12/05/2020

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1910030007	Phan Hữu	**Vinh**	17/08/2001		7,5	Bảy rưỡi	C21CK	
36	1910030001	Lương Triều	**Vỹ**	19/09/2000				C21DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 34 **vắng thi:** _____. **Số bài thi:** 34 / 34.

Số sinh viên đạt/không đạt: 34 / 0 **Tỷ lệ đạt:** ____,____%

Ngày 19 *tháng* 5 *năm* 2020
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 28 *tháng* 4 *năm* 2020
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Quỳnh Anh

TRƯỜNG
KHẢO

Ngày in: 09:00 12/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : **Tin học - MH1109016**

Mã lớp học phần: **MH110901601** **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: **Phạm Thị Quỳnh Anh - (01025)**

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi:_____

Giám thị 1: Minh Trung Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910130009	Đỗ Thị Lan	**Anh**	16/11/2001		7,5	bảy năm	C21TA	
2	1910130011	Nguyễn Lê Thành	**Chiến**	11/05/2001		9,5	Chín năm	C21TA	
3	1910130006	Nguyễn Thị Phương	**Duyên**	23/12/2001		9,0	Chín không	C21TA	
4	1910130015	Phan Thị Linh	**Đan**	12/12/2001		5,5	Năm năm	C21TA	
5	1910130021	Hồ Thanh	**Đông**	22/01/2001		7,5	bảy năm	C21TA	
6	1910130026	Trần Trọng	**Hiếu**	30/06/2000		9,0	Chín không	C21TA	
7	1710040015	Ông Văn	**Hoành**	20/06/1998		8,5	Tám năm	C19CK	
8	1910100020	Nguyễn Ngọc Tường	**Huy**	24/06/2001		8,5	Tám năm	C21TA	
~~9~~	~~1910130025~~	~~Trương Thị Thanh~~	~~**Mai**~~	~~28/03/2001~~				~~C21TA~~	
10	1910130008	Phạm Nguyễn Tuyết	**Minh**	27/09/2001		9,0	Chín không	C21TA	
11	1910130007	Nguyễn Lê Hoàng	**My**	25/06/2001		9,0	Chín không	C21TA	
12	1910130003	Nguyễn Thị Thanh	**Nga**	26/10/2001		9,5	Chín năm	C21TA	
13	1910130005	Nguyễn Hồng	**Nghĩa**	07/10/2001		9,0	Chín không	C21TA	
14	1910130023	Hoàng Lục Bảo	**Ngọc**	26/02/2001		5,5	Năm năm	C21TA	
15	1910130001	Huỳnh Thành	**Nhật**	27/12/2000		9,0	Chín không	C21TA	
16	1910130013	Hồ Thị Ý	**Nhi**	31/05/2000		9,5	Chín năm	C21TA	
17	1910040023	Châu Ngọc	**Sang**	31/12/2001		9,5	Chín năm	C21TA	
18	1910130012	Lê Thị Kim	**Son**	11/08/2001		9,0	Chín không	C21TA	
19	1910130018	Nguyễn Hữu	**Tài**	01/01/2000		8,0	Tám không	C21TA	
20	1910130019	Lê Hồng	**Thắm**	23/02/2001		7,0	Bảy không	C21TA	
21	1910130004	Bùi Lê Minh	**Thư**	13/10/2001		10	Mười	C21TA	
22	1910130014	Nguyễn Thùy	**Trang**	23/12/2001		7,5	bảy năm	C21TA	
~~23~~	~~1910130017~~	~~Võ Ngô Yến~~	~~**Trinh**~~	~~25/04/2001~~				~~C21TA~~	
24	1910130010	Ngô Quốc	**Trọng**	02/05/2001		7,5	bảy năm	C21TA	
25	1910100027	Bùi Gia	**Uyển**	17/12/2001		8,5	Tám năm	C21TA	
26	1910130024	Trần Lê Ngọc	**Yến**	10/08/2001		8,0	Tám không	C21TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 02 . Số bài thi: 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ Tỷ lệ đạt:_____,____%

Ngày in: 09:05 12/05/2020

Ngày 18 tháng 5 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Khánh

Ngày 12 tháng 5 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

TRƯỜNG

KHẢO

Ngày in: 09:05 12/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : **Tin học - MH1109016**

Mã lớp học phần: **MH110901601** **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: **Phạm Thị Quỳnh Anh - (01025)**

Ngày thi: 15/5/20 Giờ thi: 15h00 Phòng thi: PM1

Giám thị 1: Phạm T. Quỳnh Anh Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910040017	Lê Thiện	**Ân**	16/04/2001		7.0	Bảy chẵn	C21CK	
2	1910030011	Thái Gia	**Bảo**	01/06/2001		10	Mười	C21DDT	
3	1910040024	Trương Chí	**Cảnh**	08/05/2001		10	Mười	C21CK	
4	1910040003	Lê Xuân	**Diễn**	30/10/2001		7.5	Bảy rưỡi	C21CK	
5	1910040007	Trương Nhật	**Duy**	14/01/2000		9.5	Chín rưỡi	C21CK	
6	1910040031	Võ Hoàng Thành	**Đạt**	29/4/2001		10	Mười	C21CK	
7	1910030002	Trương Trọng	**Đông**	27/08/1995		10	Mười	C21DDT	
8	1810100011	Đỗ Minh	**Hiếu**	19/01/1997		10	Mười	C20QT1	
9	1910040006	Đoàn Thanh	**Hòa**	08/12/2001		9.0	Chín chẵn	C21CK	
10	1910030006	Võ Trương Quốc	**Huy**	12/10/2001		10	Mười	C21DDT	
11	1910030003	Mai Vĩnh	**Khang**	10/06/2001		10	Mười	C21DDT	
12	1910040025	Huỳnh Đức	**Khải**	25/07/2001		7.5	Bảy rưỡi	C21CK	
13	1910040002	Trần Đức	**Khôi**	03/04/2001		10	Mười	C21CK	
14	1910040001	Nguyễn Thành	**Lâm**	05/02/2001		9.5	Chín rưỡi	C21CK	
15	1910030008	Võ Hữu	**Lợi**	06/03/2001		10	Mười	C21DDT	
16	1910040019	Võ Hoàng	**Mãi**	10/05/2001		10	Mười	C21CK	
17	1910030004	Nguyễn Văn	**Nghĩa**	07/05/2001		10	Mười	C21DDT	
18	1910040022	Danh Lâm Bảo	**Ngọc**	01/01/2001		8,5 ~~6,5~~	Tám rưỡi	C21CK	
19	1910040004	Trần Vũ	**Nguyên**	15/08/2001		6,5	Sáu rưỡi	C21CK	
20	1910030012	Huỳnh Quốc	**Nhân**	14/01/2001		10	Mười	C21DDT	
21	1910030005	Nguyễn Hữu	**Nhân**	09/09/2001		9,5	Chín rưỡi	C21DDT	
22	1910040005	Nguyễn Quốc	**Qui**	21/12/2001		10	Mười	C21CK	
23	1910040013	Phạm Ngọc	**Tài**	28/12/2001		7,5	Bảy rưỡi	C21CK	
24	1910040020	Bùi Thanh	**Tâm**	18/06/2001		7,5	Bảy rưỡi	C21CK	
25	1910040030	Trương Tuấn	**Thành**	24/07/2001		9,5	Chín rưỡi	C21CK	
26	1910040011	Nguyễn Văn	**Thắng**	23/04/2001		9,5	Chín rưỡi	C21CK	
27	1910040027	Nguyễn Nguyên	**Thi**	03/12/2001		10	Mười	C21CK	
28	1910030009	Trương Nhật	**Thư**	15/11/2000		9,0	Chín chẵn	C21DDT	
29	1910030010	Trương Việt	**Thư**	15/11/2000		9,5	Chín rưỡi	C21DDT	
30	1910040028	Bùi Trung	**Tính**	29/10/2001		/	/	C21CK	
31	1910040012	Đặng Ngọc Anh	**Trung**	26/07/2001		9,0	Chín chẵn	C21CK	
32	1910040016	Trần Quốc	**Trung**	29/09/2001		10	Mười	C21CK	
33	1910040021	Nguyễn Minh	**Trường**	24/05/2001		7,5	Bảy rưỡi	C21CK	
34	1910040010	Trương Thanh	**Tuấn**	05/12/2001		8,0	Tám chẵn	C21CK	

Ngày in: 09:00 12/05/2020

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
35	1910030007	Phan Hửu	Vinh	17/08/2001		9,5	Chín rưỡi	C21CK	
36	1910030001	Lương Triều	Vỹ	19/09/2000				C21DDT	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 34 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 34 / .

Số sinh viên đạt/không đạt: 34 / 0 **Tỷ lệ đạt:** , %

Ngày 18 *tháng* 5 *năm* 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 15 *tháng* 5 *năm* 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Quỳnh Anh

TRƯỜ

KH

Ngày in: 09:00 12/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : **Tin học - MH1109016**

Mã lớp học phần: **MH110901601** **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: **Phạm Thị Quỳnh Anh - (01025)**

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: Minh Trang Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910130009	Đỗ Thị Lan	**Anh**	16/11/2001		8,0	Tám không	C21TA	
2	1910130011	Nguyễn Lê Thành	**Chiến**	11/05/2001		9,5	Chín năm	C21TA	
3	1910130006	Nguyễn Thị Phương	**Duyên**	23/12/2001		9,0	Chín không	C21TA	
4	1910130015	Phan Thị Linh	**Đan**	12/12/2001		6,0	Sáu không	C21TA	
5	1910130021	Hồ Thanh	**Đông**	22/01/2001		9,0	Chín không	C21TA	
6	1910130026	Trần Trọng	**Hiếu**	30/06/2000		10	Mười	C21TA	
7	1710040015	Ông Văn	**Hoành**	20/06/1998		10	Mười	C19CK	
8	1910100020	Nguyễn Ngọc Tường	**Huy**	24/06/2001		10	Mười	C21TA	
9	1910130025	Trương Thị Thanh	**Mai**	28/03/2001				C21TA	
10	1910130008	Phạm Nguyễn Tuyết	**Minh**	27/09/2001		8,5	Tám năm	C21TA	
11	1910130007	Nguyễn Lê Hoàng	**My**	25/06/2001		8,0	Tám không	C21TA	
12	1910130003	Nguyễn Thị Thanh	**Nga**	26/10/2001		10	Mười	C21TA	
13	1910130005	Nguyễn Hồng	**Nghĩa**	07/10/2001		9,5	Chín năm	C21TA	
14	1910130023	Hoàng Lục Bảo	**Ngọc**	26/02/2001		8,0	Tám không	C21TA	
15	1910130001	Huỳnh Thành	**Nhật**	27/12/2000		10	Mười	C21TA	
16	1910130013	Hồ Thị Ý	**Nhi**	31/05/2000		10	Mười	C21TA	
17	1910040023	Châu Ngọc	**Sang**	31/12/2001	Sang	10	Mười	C21TA	
18	1910130012	Lê Thị Kim	**Son**	11/08/2001		10	Mười	C21TA	
19	1910130018	Nguyễn Hữu	**Tài**	01/01/2000		8,5	Tám năm	C21TA	
20	1910130019	Lê Hồng	**Thắm**	23/02/2001		8,5	Tám năm	C21TA	
21	1910130004	Bùi Lê Minh	**Thư**	13/10/2001		10	Mười	C21TA	
22	1910130014	Nguyễn Thùy	**Trang**	23/12/2001		8,5	Tám năm	C21TA	
23	1910130017	Võ Ngô Yến	**Trinh**	25/04/2001				C21TA	
24	1910130010	Ngô Quốc	**Trọng**	02/05/2001	Trọng	8,5	Tám năm	C21TA	
25	1910100027	Bùi Gia	**Uyển**	17/12/2001		10	Mười	C21TA	
26	1910130024	Trần Lê Ngọc	**Yến**	10/08/2001		9,5	Chín năm	C21TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi:** 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày in: 09:05 12/05/2020

Ngày 18 tháng 5 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Thao

Ngày 12 tháng 5 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

TRU

KH

Ngày in: 09:05 12/05/2020

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Tin học - MH1109016
Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Phạm Thị Quỳnh Anh
Ngày thi: 11/06/2020 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 1**

Giám thị 1: Phạm Q. Sang Ký tên:
Giám thị 2: Trương T.N. Thư Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910040017	Lê Thiện	**Ân**	16/04/2001			6,5	Sáu rưỡi	C21CK	
2	1910030011	Thái Gia	**Bảo**	01/06/2001			9,5	Chín rưỡi	C21DDT	
3	1910040024	Trương Chí	**Cảnh**	08/05/2001			8,0	Tám chẵn	C21CK	
4	1910040003	Lê Xuân	**Diễn**	30/10/2001			7,5	Bảy rưỡi	C21CK	
5	1910040007	Trương Nhật	**Duy**	14/01/2000			8,0	Tám chẵn	C21CK	
6	1910040031	Võ Hoàng Thành	**Đạt**	29/4/2001			8,5	Tám rưỡi	C21CK	
7	1910030002	Trương Trọng	**Đông**	27/08/1995			9,5	Chín rưỡi	C21DDT	
8	1810100011	Đỗ Minh	**Hiếu**	19/01/1997			9,5	Chín rưỡi	C20QT1	
9	1910040006	Đoàn Thanh	**Hòa**	08/12/2001			8,0	Tám chẵn	C21CK	
10	1910030006	Võ Trương Quốc	**Huy**	12/10/2001			9,5	Chín rưỡi	C21DDT	
11	1910030003	Mai Vĩnh	**Khang**	10/06/2001			9,0	Chín chẵn	C21DDT	
12	1910040025	Huỳnh Đức	**Khải**	25/07/2001			6,5	Sáu rưỡi	C21CK	
13	1910040002	Trần Đức	**Khôi**	03/04/2001			9,5	Chín rưỡi	C21CK	
14	1910040001	Nguyễn Thành	**Lâm**	05/02/2001			9,0	Chín chẵn	C21CK	
15	1910030008	Võ Hữu	**Lợi**	06/03/2001			9,5	Chín rưỡi	C21DDT	
16	1910040019	Võ Hoàng	**Mãi**	10/05/2001			9,0	Chín chẵn	C21CK	
17	1910030004	Nguyễn Văn	**Nghĩa**	07/05/2001			9,5	Chín rưỡi	C21DDT	
18	1910040022	Danh Lâm Bảo	**Ngọc**	01/01/2001			8,5	Tám rưỡi	C21CK	
19	1910040004	Trần Vũ	**Nguyên**	15/08/2001			7,0	Bảy chẵn	C21CK	
20	1910030012	Huỳnh Quốc	**Nhân**	14/01/2001			9,0	Chín chẵn	C21DDT	
21	1910030005	Nguyễn Hữu	**Nhân**	09/09/2001			9,5	Chín rưỡi	C21DDT	
22	1910040005	Nguyễn Quốc	**Qui**	21/12/2001			8,0	Tám chẵn	C21CK	
23	1910040013	Phạm Ngọc	**Tài**	28/12/2001			5,5	Năm rưỡi	C21CK	
24	1910040020	Bùi Thanh	**Tâm**	18/06/2001			6,0	Sáu chẵn	C21CK	
25	1910040030	Trương Tuấn	**Thành**	24/07/2001			9,5	Chín rưỡi	C21CK	
26	1910040011	Nguyễn Văn	**Thắng**	23/04/2001			9,0	Chín chẵn	C21CK	
27	1910040027	Nguyễn Nguyên	**Thi**	03/12/2001			7,5	Bảy rưỡi	C21CK	
28	1910030009	Trương Nhật	**Thư**	15/11/2000			9,0	Chín chẵn	C21DDT	
29	1910030010	Trương Việt	**Thư**	15/11/2000			8,0	Tám chẵn	C21DDT	
30	1910040012	Đặng Ngọc Anh	**Trung**	26/07/2001			7,0	Bảy chẵn	C21CK	
31	1910040016	Trần Quốc	**Trung**	29/09/2001			9,0	Chín chẵn	C21CK	
32	1910040021	Nguyễn Minh	**Trường**	24/05/2001			5,0	Năm chẵn	C21CK	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	1910040010	Trương Thanh	**Tuấn**	05/12/2001			6,0	Sáu chẵn	C21CK	
34	1910030007	Phan Hửu	**Vinh**	17/08/2001			5,0	Năm chẵn	C21CK	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 34 **vắng thi:** _____. **Số bài thi/Số tờ:** 34 / _____.

Số sinh viên đạt: 34 **Tỷ lệ đạt:** 100 **%**

Ngày 15 *tháng* 6 *năm* 2020
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 *tháng* 6 *năm* 2020
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Quỳnh Anh

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2019-2020

Môn học : Tin học - MH1109016
Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Phạm Thị Quỳnh Anh
Ngày thi: 11/06/2020 **Giờ thi: 13h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: Phạm Minh Duy Ký tên:
Giám thị 2: Trần Thị Nguyệt Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1910130009	Đỗ Thị Lan	**Anh**	16/11/2001			7,0	Bảy, Không	C21TA	
2	1910130011	Nguyễn Lê Thành	**Chiến**	11/05/2001			9,5	Chín năm	C21TA	
3	1910130006	Nguyễn Thị Phương	**Duyên**	23/12/2001			4,5	Bốn năm	C21TA	
4	1910130015	Phan Thị Linh	**Đan**	12/12/2001			4,0	Bốn Không	C21TA	
5	1910130021	Hồ Thanh	**Đông**	22/01/2001			7,0	Bảy Không	C21TA	
6	1910130026	Trần Trọng	**Hiếu**	30/06/2000			8,5	Tám năm	C21TA	
7	1710040015	Ông Văn	**Hoành**	20/06/1998			9,0	Chín Không	C19CK	
8	1910100020	Nguyễn Ngọc Tường	**Huy**	24/06/2001			5,0	Năm Không	C21TA	
9	1910130008	Phạm Nguyễn Tuyết	**Minh**	27/09/2001			6,5	Sáu năm	C21TA	
10	1910130007	Nguyễn Lê Hoàng	**My**	25/06/2001			4,5	Bốn năm	C21TA	
11	1910130003	Nguyễn Thị Thanh	**Nga**	26/10/2001			7,0	Bảy Không	C21TA	
12	1910130005	Nguyễn Hồng	**Nghĩa**	07/10/2001			6,5	Sáu năm	C21TA	
13	1910130023	Hoàng Lục Bảo	**Ngọc**	26/02/2001			7,0	Bảy Không	C21TA	
14	1910130001	Huỳnh Thành	**Nhật**	27/12/2000			9,5	Chín năm	C21TA	
15	1910130013	Hồ Thị Ý	**Nhi**	31/05/2000			6,5	Sáu năm	C21TA	
16	1910040023	Châu Ngọc	**Sang**	31/12/2001			7,5	Bảy năm	C21TA	
17	1910130012	Lê Thị Kim	**Sơn**	11/08/2001			7,0	Bảy Không	C21TA	
18	1910130018	Nguyễn Hữu	**Tài**	01/01/2000			8,5	Tám năm	C21TA	
19	1910130019	Lê Hồng	**Thắm**	23/02/2001					C21TA	VT
20	1910130004	Bùi Lê Minh	**Thư**	13/10/2001			7,5	Bảy năm	C21TA	
21	1910130014	Nguyễn Thùy	**Trang**	23/12/2001			4,0	Bốn Không	C21TA	
22	1910130010	Ngô Quốc	**Trọng**	02/05/2001			5,0	Năm Không	C21TA	
23	1910100027	Bùi Gia	**Uyển**	17/12/2001			7,0	Bảy Không	C21TA	
24	1910130024	Trần Lê Ngọc	**Yến**	10/08/2001			4,5	Bốn năm	C21TA	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 23 / _____ .

Số sinh viên đạt: _____ **Tỷ lệ đạt:** _____ **%**

50

Ngày 16 tháng 6 năm 2020

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 11 tháng 6 năm 2020

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Minh Trung

TRU

KHL